

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (190.000)
Tháng 7 năm 2026

ĐVT: đồng																							
STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTNV K	Phụ cấp TNVK	% PCUBND	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản			Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản lương và PC khác	BHXH		BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
													Lương	PCCV	PCTNV K			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)			
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20	22	24	26	D	
	Phần I		179,50	4,60	5,80	1,80	0,05	0,25	18,30	73,83	265,77	50.497.117	0	0	0	0	0	2.802.105	525.397	350.263	46.819.352		
1	Trần Hữu Vinh	V.08.01.02	6,10	0,70					20%	1,36	8,16	1.550.400	0	0	0	0		103.360	19.380	12.920	1.414.740		
2	Nguyễn Hoàng	V.08.01.03	5,08	0,60					40%	2,27	7,95	1.510.880	0		0	0		86.336	16.188	10.792	1.397.564		
3	Huỳnh Hiền	V.08.05.12	4,32	0,30					20%	0,92	5,54	1.053.360	0	0	0	0	0	70.224	13.167	8.778	961.191		
4	Lê Văn Toàn	V.11.06.14	4,32						20%	0,86	5,18	984.960	0	0	0	0		65.664	12.312	8.208	898.776	Tăng lương	
5	Bùi Thị Thanh Huyền Thảo	V.01.02.03	3,26		0,20				20%	0,65	4,11	781.280	0	0	0	0	0	49.552	9.291	6.194	716.243		
6	Nguyễn Xuân Trường	V.06.031	4,32	0,40		0,20			20%	0,94	5,86	1.114.160	0	0	0	0	0	71.744	13.452	8.968	1.019.996		
7	Cao Thanh Sang	V.06.031	3,99	0,30					20%	0,86	5,15	978.120	0	0	0	0	0	65.208	12.226	8.151	892.535		
8	Trần Thị Bích Phương	V.06.031	3,99						20%	0,80	4,79	909.720	0	0	0	0	0	60.648	11.372	7.581	830.119		
9	Nguyễn Thủy Kiều	V.06.032	3,65						20%	0,73	4,38	832.200	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	759.382		
10	Nguyễn Thị Kim Định	V.06.031	3,00						20%	0,60	3,60	684.000	0	0	0	0	0	45.600	8.550	5.700	624.150		
11	Phan Thị Hiền Lương	V.06.031	3,00						20%	0,60	3,60	684.000	0	0	0	0	0	45.600	8.550	5.700	624.150		
12	Nguyễn Thị Thanh Sương	V.06.032	3,34			0,10			20%	0,67	4,11	780.520	0	0	0	0		50.768	9.519	6.346	713.887		
13	Huỳnh Thị Yến Vi	V.06.032	2,10						20%	0,42	2,52	478.800	0	0	0	0	0	31.920	5.985	3.990	436.905	Bỏ nhiệm vào ngạch	
	Cộng		50,47	2,30	0,20	0,30	0,00	0,00	2,80	11,69	64,96	12.342.400	0	0	0	0	0	802.104	150.395	100.263	11.289.638		
14	Lê Văn Mẫn	V.08.05.12	3,99	0,30	0,20				60%	2,57	7,06	1.342.160	0	0	0	0	0	65.208	12.226	8.151	1.256.575		
15	Huỳnh Thị Lương	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30	0,0000		60%	2,19	6,34	1.204.600	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	1.131.783		
16	Huỳnh Văn Tuất	V.08.01.03	3,99		0,20	0,30			60%	2,39	6,88	1.307.960	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.228.360	Tăng PCUBND, PCĐH, PCTN	
17	Nguyễn Thị Bận	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	1.204.600	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	1.131.782		
18	Trịnh Thị Thủy Nga	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	1.204.600	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	1.131.782		
19	Huỳnh Văn Vần	V.08.07.18	4,32						50%	2,16	6,48	1.231.200	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.145.016		
20	Trịnh Như Hoa	V.08.05.12	4,32						40%	1,73	6,05	1.149.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.062.936		
21	Nguyễn Bá Tông	V.08.05.12	4,32	0,30					40%	1,85	6,47	1.228.920	0	0	0	0	0	70.224	13.167	8.778	1.136.751		
22	Nguyễn Thị Anh Tiến	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.019.740		
23	Lê Nhất Linh	V.08.05.13	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	1.008.900	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	936.082		

24	Nguyễn Thị Kim Huệ	V.08.06.16	3,34						40%	1,34	4,68	888.440	0	0		0	0	50.768	9.519	6.346	821.807	Giảm PCTN
25	Nguyễn Thị Phương	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	992.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	919.543	
26	La Thị Dũng	V.08.06.15	4,32		0,20	0,10			40%	1,73	6,35	1.206.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.119.936	
27	Phạm Thị Thuý Thu	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10			40%	1,46	5,42	1.030.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	957.543	
28	Trần Thị Thường	V.08.06.15	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	1.179.140	0	0	0	0	0	65.208	12.226	8.151	1.093.555	
29	Huỳnh Thị Thu Hiền	V.08.05.12	4,32	0,30	0,20				40%	1,85	6,67	1.266.920	0	0	0	0	0	70.224	13.167	8.778	1.174.751	Tăng lương
30	Nguyễn Thị Tánh	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.019.740	Tăng lương
31	Nguyễn Thị Kim Phương	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.019.740	Tăng lương
32	Nguyễn Thị Lệ Thủy	V.08.06.16	3,65		0,20	0,00			40%	1,46	5,31	1.008.900	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	936.082	
33	Lê Thị Thủy Cẩm	V.08.01.02	5,08	0,40	0,20				50%	2,74	8,42	1.599.800	0	0	0	0	0	83.296	15.618	10.412	1.490.474	
34	Trần Thị Mỹ Lân	V.08.05.13	3,96						50%	1,98	5,94	1.128.600	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	1.049.598	
35	Nguyễn Thị Nở	V.08.05.13	3,65						50%	1,83	5,48	1.040.250	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	967.432	
36	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	V.08.05.13	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.019.740	Tăng lương
37	Trịnh Thị Mỹ Luân	V.08.05.13	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	1.008.900	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	936.082	
38	Dương Thành Tứ	V.08.01.03	4,98	0,30	0,40		5%	0,2490	70%	3,87	9,80	1.861.867	0	0	0	0	0	84.041	15.758	10.505	1.751.563	
39	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	V.08.05.12	3,99		0,40				60%	2,39	6,78	1.288.960	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.209.360	
40	Võ Thị Lành	V.08.05.13	3,65		0,40				60%	2,19	6,24	1.185.600	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	1.112.782	
41	Lê Thị Mỹ	V.08.05.13	3,65		0,40				60%	2,19	6,24	1.185.600	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	1.112.782	
42	Nguyễn Trung Thành	V.08.01.03	3,99	0,40					40%	1,76	6,15	1.167.740	0	0	0	0	0	66.728	12.512	8.341	1.080.159	
43	Nguyễn Thị Phương	V.08.05.13	3,34						40%	1,34	4,68	888.440	0	0	0	0	0	50.768	9.519	6.346	821.807	
44	Đỗ Thị Ngọc Hiền	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	710.220	0					40.584	7.610	5.073	656.953	
45	Nguyễn Hồng Quang	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	0	60.648	11.372	7.581	1.019.739	
46	Trần Hoà Phương	V.08.07.18	3,99		0,40				40%	1,60	5,99	1.137.340	0	0	0	0	0	60.648	11.372	7.581	1.057.739	
	Cộng		129,03	2,30	5,60	1,50	0,05	0,25	15,50	62,14	200,81	38.154.717	0	0	0	0	0	2.000.001	375.002	250.000	35.529.714	
	Phần II		196,240	7,30	5,20	2,70		0,60	21,90	83,05	295,08	56.066.082	0	0	0	0	0	3.102.892	581.793	387.861	51.993.536	
47	Lưu Kim Hoàng	V.08.01.02	4,74	0,60					40%	2,14	7,48	1.420.440	0	0	0	0	0	81.168	15.219	10.146	1.313.907	
48	Nguyễn Thị Kim Luyến	V.08.05.12	3,66						40%	1,46	5,12	973.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	900.543	
49	Đỗ Minh Mẫn	V.08.04.10	3,66						20%	0,73	4,39	834.480	0			0	0	55.632	10.431	6.954	761.463	
50	Phùng Thị Bích Thủy	V.08.06.16	4,27						40%	1,71	5,98	1.135.820	0	0	0	0	0	64.904	12.170	8.113	1.050.633	
51	Nguyễn Thị Thanh Ly	V.05.02.07	3,33						20%	0,67	4,00	759.240	0			0	0	50.616	9.491	6.327	692.806	
52	Võ Thị Hồng Nga	V.08.06.15	4,32	0,40					20%	0,94	5,66	1.076.160	0	0	0	0	0	71.744	13.452	8.968	981.996	
53	Nguyễn Thị Tiếng	V.08.05.12	3,99						40%	1,60	5,59	1.061.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	981.740	Tăng lương
54	Nguyễn Thị Loan	V.08.05.12	3,99						40%	1,60	5,59	1.061.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	981.740	
55	Nguyễn Thị Ngọc Hương	V.09.04.03	2,26						20%	0,45	2,71	515.280	0	0	0	0	0	34.352	6.441	4.294	470.193	
56	Lê Thị Diễm My	01.003	3,33						20%	0,67	4,00	759.240	0			0	0	50.616	9.491	6.327	692.806	
57	Đặng Thị Kim Thi	02.007	3,00						20%	0,60	3,60	684.000	0			0	0	45.600	8.550	5.700	624.150	

58	Đinh Văn Đất	01.003	2,34						20%	0,47	2,81	533.520	0			0	0	35.568	6.669	4.446	486.837	
59	Huỳnh Văn Chương	01.003	2,34						20%	0,47	2,81	533.520	0			0	0	35.568	6.669	4.446	486.837	
60	Trần Thị Thủy Song	V06.031	3,66						20%	0,73	4,39	834.480	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	761.463	
	Cộng		48,89	1,00	0,00	0,00	0,00	0,00	3,80	14,23	64,12	12.182.420	0	0	0	0	0	758.328	142.187	94.791	11.187.114	
61	Nguyễn Công Tráng	V.08.01.02	5,08	0,40	0,20				60%	3,29	8,97	1.703.920	0	0	0	0	0	83.296	15.618	10.412	1.594.594	
62	Trần Văn Thu	V.08.01.02	5,42	0,30	0,20				60%	3,43	9,35	1.776.880	0	0	0	0	0	86.944	16.302	10.868	1.662.766	Tăng lương
63	Nguyễn Thị Bích Hạnh	V.08.01.03	3,00							0,00	3,00	570.000	0	0	0	0	0	45.600	8.550	5.700	510.150	Tăng lương, Di học
64	Trương Thị Thuý Giang	V.08.01.03	2,67		0,20	0,30			60%	1,60	4,77	906.680	0			0	0	40.584	7.610	5.073	853.413	Tăng PCƯĐN, PCDH, PCTN
65	Lê Thị Thanh Tâm	V.08.05.13	3,99		0,20	0,30			60%	2,39	6,88	1.307.960	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.228.360	
66	Trương Thị Dư	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	1.204.600	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	1.131.782	
67	Phan Thanh Tài	V.08.05.12	3,00		0,20	0,30			60%	1,80	5,30	1.007.000	0	0		0	0	45.600	8.550	5.700	947.150	
68	Phan Thị Thanh Nguyệt	V.08.05.13	3,34		0,20	0,30			60%	2,00	5,84	1.110.360	0	0	0	0	0	50.768	9.519	6.346	1.043.727	
69	Nguyễn Thị Mỹ	V.08.05.13	2,41		0,20	0,30			60%	1,45	4,36	827.640	0	0	0	0	0	36.632	6.869	4.579	779.560	
70	Đinh Thị Mỹ Hân	V.08.05.12	2,67		0,20	0,30			60%	1,60	4,77	906.680	0	0	0	0	0	40.584	7.610	5.073	853.413	
71	Lưu Thị Nga	V.08.05.13	3,96		0,20	0,30			60%	2,38	6,84	1.298.840	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	1.219.838	
72	Lâm Thị Thu Thuý	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	641.060	0			0	0	36.632	6.869	4.579	592.980	Chuyên khoa
73	Trần Xuân Tin	V.08.05.13	2,10			0,30			60%	1,26	3,66	695.400	0			0	0	31.920	5.985	3.990	653.505	
74	Đặng Anh Tuyển	V.08.01.03	4,98	0,40	0,20		7%	0,3486	40%	2,29	8,22	1.561.808	0	0	0	0	0	87.075	16.327	10.884	1.447.522	
75	Lưu Trọng Ánh	V.08.01.03	3,00		0,20				40%	1,20	4,40	836.000	0	0	0	0	0	45.600	8.550	5.700	776.150	
76	Đỗ Thị Ngọc Hào	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	1.011.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	938.543	
77	Nguyễn Thị Mộng Thúy	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	1.011.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	938.543	
78	Phạm Hùng Vương	V.08.03.03	3,66						40%	1,46	5,12	973.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	900.543	
79	Nguyễn Văn Chí	V.08.01.03	3,33	0,30	0,20				50%	1,82	5,65	1.072.550	0	0	0	0	0	55.176	10.345	6.897	1.000.132	
80	Nguyễn Thanh Mai	V.08.01.03	3,66	0,30					40%	1,58	5,54	1.053.360	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	974.358	
81	Trương Thị Kim Chi	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	1.011.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	938.543	
82	Đinh Văn Phong	V.08.05.12	3,66						50%	1,83	5,49	1.043.100	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	970.083	
83	Lê Thị Thanh Tuyển	V.08.05.12	3,99						50%	2,00	5,99	1.137.150	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.057.550	
84	Phùng Thị Mai Loan	V.08.01.02	5,42	0,40	0,20				40%	2,33	8,35	1.586.120	0	0	0	0	0	88.464	16.587	11.058	1.470.011	
85	Trần Thị An	V.08.01.02	5,42	0,30	0,20				40%	2,29	8,21	1.559.520	0	0	0	0	0	86.944	16.302	10.868	1.445.406	
86	Huỳnh Thị Kim Xuyên	V.08.06.15	4,98	0,30			5%	0,2490	40%	2,21	7,74	1.470.714	0	0	0	0	0	84.041	15.758	10.505	1.360.410	
87	Nguyễn Thanh Đình	V.08.01.02	4,74	0,40	0,20				40%	2,06	7,40	1.405.240	0	0	0	0	0	78.128	14.649	9.766	1.302.697	
88	Ngô Thị Mơ	V.08.01.03	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	1.179.140	0	0	0	0	0	65.208	12.226	8.151	1.093.555	
89	La Thị Nhân	V.08.01.03	4,32	0,30	0,20				40%	1,85	6,67	1.266.920	0	0	0	0	0	70.224	13.167	8.778	1.174.751	Tăng lương
90	Nguyễn Trần Khoa	V.08.05.12	3,66	0,30	0,20				40%	1,58	5,74	1.091.360	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	1.012.358	
91	Nguyễn Thị Hà	V.08.05.12	3,99	0,30	0,40				60%	2,57	7,26	1.380.160	0	0	0	0	0	65.208	12.226	8.151	1.294.575	

92	Nguyễn Thị Thanh Nga	V.08.01.03	3,66						40%		3,66	695.400	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	622.383	Đi học
93	Trần Thị Hiệp	V.08.05.12	3,66	0,30					40%	1,58	5,54	1.053.360	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	974.358	
94	Cao Thanh Toàn	V.08.08.22	3,99	0,40					40%	1,76	6,15	1.167.740	0	0	0	0	0	66.728	12.511	8.341	1.080.160	
95	Nguyễn Thị Minh Hiếu	V.08.05.11	4,74	0,30					40%	2,02	7,06	1.340.640	0	0	0	0	0	76.608	14.364	9.576	1.240.092	
96	Trần Thị Thu Tiết	V.08.07.18	3,66	0,30	0,20				40%	1,58	5,74	1.091.360	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	1.012.358	
97	Huỳnh Hữu Phước	V.08.01.02	4,74	0,30	0,10				40%	2,02	7,16	1.359.640	0	0	0	0	0	76.608	14.364	9.576	1.259.092	
98	Nguyễn Đình Dũng	V.08.01.02	5,42	0,40	0,10				40%	2,33	8,25	1.567.120	0	0	0	0	0	88.464	16.587	11.058	1.451.011	
99	Nguyễn Thị Kim Ngọc	V.08.05.13							60%	0,00	0,00	0	0			0	0	0	0	0	0	Nghi Thai sản
	Cộng		147,35	6,30	5,20	2,70	0,12	0,60	18,10	68,8190	230,97	43.883.662	0	0	0	0	0	2.344.564	439.606	293.070	40.806.422	
	Phần I+Phần II		375,740	11,90	11,00	4,50	0,05	0,8466	40,20	156,87234	560,86	106.563.199	0	0	0	0	0	5.904.997	1.107.190	738.124	98.812.888	
100	Phạm Thị Lê	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	641.060	0	0	0	0	0	36.632	6.869	4.579	592.980	
101	Phạm Thị Út Trinh	V.08.01.03	3,00		0,20	0,10			40%	1,20	4,50	855.000	0	0	0	0	0	45.600	8.550	5.700	795.150	
102	Nguyễn Thị Cẩm Thi	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10			40%	1,46	5,42	1.030.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	957.543	
103	Nguyễn Thị Hương	V.08.06.16	3,65			0,10			40%	1,46	5,21	989.900	0	0	0	0		55.480	10.402	6.935	917.083	
104	Đinh Thị Thôm	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	992.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	919.543	
105	Nguyễn Thị Thanh Thuý	V.08.06.15	3,99		0,20	0,10			40%	1,60	5,89	1.118.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.038.740	
106	Nguyễn Thị Lâm	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	992.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	919.543	
107	Nguyễn Thị Thanh Trà	V.08.06.15	4,32			0,10			40%	1,73	6,15	1.168.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.081.936	
108	Nguyễn Thị Tuyết	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	992.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	919.543	
109	Nguyễn Thị Thuý	V.08.06.15	3,99						40%	1,60	5,59	1.061.340	0					60.648	11.371	7.581	981.740	Tăng lương, Giám PCTN
110	Nguyễn An Khanh	V.08.01.03	4,98		0,20				40%	1,99	7,17	1.362.680	0	0	0	0	0	75.696	14.193	9.462	1.263.329	
111	Nguyễn Thị Thu Hằng	V.08.05.13	2,72		0,20				40%	1,09	4,01	761.520	0	0	0	0	0	41.344	7.752	5.168	707.256	
112	Phú Thị Bích Liên	V.08.05.12	3,00		0,20				40%	1,20	4,40	836.000	0	0	0	0	0	45.600	8.550	5.700	776.150	
113	Lê Thị Mỹ Điện	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	1.011.560	0			0	0	55.632	10.431	6.954	938.543	
114	Phạm Thị Loan	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	1.011.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	938.543	
115	Trương Thị Bích Phương	V.08.05.13	2,72		0,20				40%	1,09	4,01	761.520	0	0	0	0	0	41.344	7.752	5.168	707.256	
116	Lê Thị Thu Hiền	V.08.05.13	2,41		0,20				40%	0,96	3,57	679.060	0	0	0	0	0	36.632	6.869	4.579	630.980	
117	Thái Thị Hồng Nhi	V.08.01.03	2,67						50%	1,34	4,01	760.950	0				0	40.584	7.610	5.073	707.683	
118	Nguyễn Thị Lạc	V.08.05.13	3,65						50%	1,83	5,48	1.040.250	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	967.433	
119	Lê Thị Tuyết Trang	V.08.05.13	3,34		0,20				40%	1,34	4,88	926.440	0	0	0	0	0	50.768	9.519	6.346	859.807	
120	La Thị Kiều Diễm	V.08.05.12	3,00						50%	1,50	4,50	855.000	0	0	0	0	0	45.600	8.550	5.700	795.150	
121	Nguyễn Thị Minh Khả	V.08.05.12	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	1.187.120	0				0	65.664	12.312	8.208	1.100.936	
122	Nguyễn Thị Đào	V.08.05.13	3,65		0,20				50%	1,83	5,68	1.078.250	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	1.005.433	
123	Trần Thị Nhân	V.08.05.13	2,10						40%	0,84	2,94	558.600	0	0	0	0	0	31.920	5.985	3.990	516.705	

124	Phan Thị Sáu	V.08.01.03	4,32		0,40				70%	3,02	7,74	1.471.360	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.385.176	
125	Võ Thị Tuyết Nhung	V.08.05.13	4,27		0,40				70%	2,99	7,66	1.455.210	0	0	0	0	0	64.904	12.170	8.113	1.370.023	
126	Nguyễn Thị Luyến	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	641.060	0	0	0	0	0	36.632	6.869	4.579	592.980	Chuyên khoa
127	Nguyễn Thị Mơ	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	641.060	0	0	0	0	0	36.632	6.869	4.579	592.980	
128	Nguyễn Thị Ngọc Bích	V.08.03.07	3,26						40%	1,30	4,56	867.160	0	0	0	0	0	49.552	9.291	6.194	802.123	
129	Nguyễn Cảnh Lễ	V.08.01.03	4,32						40%	1,73	6,05	1.149.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.062.936	
130	Võ Thị Hồng Nhung	V.08.07.19	3,03						40%	1,21	4,24	805.980	0	0	0	0	0	46.056	8.636	5.757	745.531	
131	Phan Công Hồng	V.08.07.18	3,33						40%	1,33	4,66	885.780	0				0	50.616	9.491	6.327	819.346	Đi học
132	Trần Thị Đua	V.08.07.19	3,03						40%	1,21	4,24	805.980	0				0	46.056	8.636	5.757	745.531	Đi học
133	Trần Bền Thom	V.08.01.03	2,67						40%	1,07	3,74	710.220	0				0	40.584	7.610	5.073	656.953	
134	Nguyễn Tấn Phương	V.05.02.08	3,46		0,20				20%	0,69	4,35	826.880	0	0	0	0	0	52.592	9.861	6.574	757.853	
135	Nguyễn Thị Kim Cúc	V.08.08.23	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	1.187.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.100.936	
136	Nguyễn Thị Hằng	V.08.08.23	3,65						40%	1,46	5,11	970.900	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	898.083	
137	Thái Thị Sương	V.08.08.23	3,34						40%	1,34	4,68	888.440	0	0	0	0	0	50.768	9.519	6.346	821.807	
138	Trần Quang Thành	V.08.08.23	3,99						40%	1,60	5,59	1.061.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	981.740	Tăng lương
139	Võ Thị Kim Phương	V.08.08.23	3,33						40%	1,33	4,66	885.780	0	0	0	0	0	50.616	9.491	6.327	819.346	
140	Võ Thị Ái Vân	V.08.08.23	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	1.008.900	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	936.083	
141	Nguyễn Thị Vân	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	710.220	0	0	0	0	0	40.584	7.610	5.073	656.953	
142	Nguyễn Đình Cường	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	710.220	0	0	0	0	0	40.584	7.610	5.073	656.953	
143	Nguyễn Thị Hóa	V.08.05.13	3,65						40%	1,46	5,11	970.900	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	898.083	
144	Nguyễn Thành Hoàng	V.08.05.12	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	1.187.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.100.936	
145	Ngô Thị Minh Thao	V.08.05.12	4,32		0,00				40%	1,73	6,05	1.149.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.062.936	
146	Huỳnh Văn Tân	V.08.07.18	4,32		0,30				40%	1,73	6,35	1.206.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.119.936	
147	Nguyễn Thanh Yên	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.019.740	
148	Nguyễn Hồng Vân	V.08.07.18	4,98		0,30		5%	0,2490	60%	3,14	8,67	1.646.616	0	0	0	0	0	79.481	14.903	9.935	1.542.297	
149	Lê Thị Hồng Nhung	V.08.07.18	3,66		0,30				70%	2,56	6,52	1.239.180	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	1.166.163	
150	Nguyễn Thị Thật	V.08.06.16	3,65						40%	1,46	5,11	970.900	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	898.083	
151	Phan Thị Thủy	V.08.06.16	3,65		0,10				40%	1,46	5,21	989.900	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	917.083	
152	Nguyễn Thị Ánh Trúc	V.08.06.13	3,65		0,10				40%	1,46	5,21	989.900	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	917.083	
153	Trần Thành Kiểm	V.08.07.19	3,96		0,40				40%	1,58	5,94	1.129.360	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	1.050.358	
154	Hồ Dương Phúc	V.08.03.07	3,99		0,10				40%	1,60	5,69	1.080.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.000.740	Tăng lương
155	Trần Thị Phương	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	0	60.648	11.372	7.581	1.019.739	Tăng lương
156	Nguyễn Hữu Quảng	V.08.07.18	3,33		0,40				40%	1,33	5,06	961.780	0	0	0	0	0	50.616	9.491	6.327	895.346	
157	Đặng Vũ	V.08.07.19	3,34		0,40				40%	1,34	5,08	964.440	0	0	0	0	0	50.768	9.519	6.346	897.807	

	Phần III		204,810	0,00	7,00	0,80	0,05	0,2490	24,50	87,34940	300,21	57.039.596	0	0	0	0	0	3.116.897	584.419	389.612	52.948.668	
	Tổng cộng I+II+III		580,550	11,90	18,00	5,30	0,10	1,09560	64,70	244,22174	861,07	163.602.795	0	0	0	0	0	9.021.894	1.691.609	1.127.736	151.761.556	

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi một triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng chẵn.

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn

Mẫu số: C02 - HD

Mã QHNS: 1047707

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỢP THEO LƯƠNG (190.000)
Tháng 7 năm 2026

ĐVT: đồng																						
STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTNV K	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản			Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản PC khác	BHXH Trừ vào lương (8%)	BHYT Trừ vào lương (1,5%)	BHTN Trừ vào lương (1%)	Số thực lĩnh	Ghi chú
													Lương	PCCV	PCTNV K							
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20	22	24	26	D
1	Nguyễn Tấn Trung	1.005	4,03				5%	0,20	20%	0,85	5,08	964.782	0			0		64.319	12.060	8.040	880.363	
	Cộng		4,03	0,0	0,0	0,0		0,20		0,85	5,08	964.782	0	0	0	0	0	64.319	12.060	8.040	880.363	

Tổng số tiền bằng chữ : Tám trăm tám mươi nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng chẵn.